

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam: số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/08/2016 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam; Số 16/2021/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016;
Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;
Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 25/CV ngày 25/4/2023 của Công ty Cổ phần khoáng sản Fecon về việc hoàn thiện nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Dự án Nhà máy sản xuất cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao Fecon và xưởng sản xuất cát nhân tạo, bãi chứa sản phẩm cọc bê tông và lò hơi đốt trấu” tại CCN Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam;
Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần khoáng sản Fecon, địa chỉ tại CCN Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Dự án Nhà máy sản xuất cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao Fecon và xưởng sản xuất cát nhân tạo, bãi chứa sản phẩm cọc bê tông và lò hơi đốt trấu” tại CCN Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Dự án Nhà máy sản xuất cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao Fecon và xưởng sản xuất cát nhân tạo, bãi chứa sản phẩm cọc bê tông và lò hơi đốt trấu” tại CCN Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: CCN Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: mã số doanh nghiệp: 0700252549, cấp lần đầu ngày 03/09/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/12/2021. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700252549

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao Fecon và cát nhân tạo.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích của dự án khoảng: 81.126 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao: 1.500.000 m cọc/năm; Cát nhân tạo: 120.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần khoáng sản Fecon

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần khoáng sản Fecon có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (*để báo cáo*);
- UBND huyện Kim Bảng;
- Công ty Cổ phần khoáng sản Fecon (*để t/h*);
- TT CNTT TN&MT (*đăng web*);
- Lưu: VT, MT, HS.

GIÁM ĐỐC

Phạm Chí Thống

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng
năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên trong nhà máy:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động ăn uống tại nhà ăn.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà xưởng sản xuất 1.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà xưởng sản xuất 2.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của cán bộ, công nhân viên khu văn phòng.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động rửa tay ở khu vực phòng thí nghiệm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương tiêu nước phía Đông nhà máy thuộc địa phận xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Miệng đường ống xả vào mương tiêu nước phía Đông nhà máy thuộc địa phận xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0):
X(m): 2274563; Y(m): 589330.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $25 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà máy trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, k = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5÷9		
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36		
3	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	36		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
5	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	6	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
6	Amoni (tính theo Nito)	mg/l	6		
7	Sunfua	mg/l	1,2		
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	600		
9	Phốtphat (PO_4^{3-})	mg/l	7,2		
10	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	5,4		
11	Coliform	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

Nguồn số 01, 02, 03, 04, 05 được thu gom và dẫn theo đường ống HDPE về bể gom của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 25m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon đã xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung công suất 25 m³/ngày.đêm. Quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau:

Nước thải sinh hoạt (nước thải các khu vệ sinh qua bể tự hoại) → Bể gom nước thải → Bể điều hòa → Bể sinh học gián đoạn SBR (bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí) → Bể khử trùng → Mương tiêu nước phía Đông của Nhà máy.

- Công suất thiết kế: 25 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clorine dạng viên để khử trùng (hoặc hóa chất khác tương đương khác đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Công ty Cổ phần khoáng sản Fecon đã được xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 1140/GXN-STNMT ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Sở TN&MT tỉnh Hà Nam về việc xác nhận hoàn thành các công trình xử lý chất thải của Dự án “Đầu tư nhà máy sản xuất cộc bê tông dự ứng lực cường độ cao Fecon tại CCN Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam”.

Căn cứ theo điểm e, Khoản 1, Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì công trình xử lý nước thải của dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3.Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng ...
năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi công suất 8,5 tấn/h, nguyên liệu là phụ phẩm nông nghiệp (bã mía).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , vĩ độ 3^0):

- Vị trí xả thải: Tại cửa lấy mẫu trên ống thoát khí thải lò hơi, tọa độ vị trí xả thải X(m): 2274483; Y(m): 589385.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 25.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả gián đoạn theo thời gian hoạt động sản xuất của Công ty.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đạt QCVN19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, các hệ số Kv=1,0, Kp = 0,9), cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	
3	CO	mg/Nm ³	900	
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	765	
5	SO ₂	mg/Nm ³	450	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải lò hơi sau hệ thống xử lý khí thải ra môi trường qua ống thoát khí thải cao 21 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Quy trình công nghệ:

- Khí thải → Xyclon chùm → Xyclon ướt → Ống thoát khí thải cao 21 m.

Công suất thiết kế: 25.000 m³/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế hệ thống lọc bụi.

- Khi sự cố xảy ra thì phải dừng hệ thống và báo với đơn vị có chức năng đến

xử lý.

- Sự cố mất điện đột xuất: trong trường hợp xảy ra sự cố mất điện đột xuất, áp suất ngược từ hệ thống lọc bụi túi sẽ tạo ra dòng khí chuyển động ngược lại phía các nguồn thải và gây ô nhiễm bụi, do đó dự án trang bị máy phát điện dự phòng nối với hệ thống xử lý bụi. Hệ thống máy phát điện dự phòng tự động phát để đưa toàn bộ hệ thống thiết bị hoạt động bình thường trở lại.

- Sự cố hư hỏng tại thiết bị lọc bụi túi vải và quạt: hoạt động của thiết bị lọc bụi túi vải và quạt được kiểm soát tự động bằng hệ thống cảm biến như biến nhiệt độ, áp suất... do vậy khi hệ thống điều khiển tự động phát hiện lỗi của hệ thống đang hoạt động thì sẽ tự khởi động hệ thống dự phòng, tắt hệ thống đang hoạt động để chuyển tín hiệu báo động đến người vận hành để có biện pháp xử lý. Túi vải sẽ được dự phòng và luôn sẵn sàng trong kho do vậy công tác thay thế các túi vải bị hư hỏng được thực hiện nhanh chóng.

- Trong trường hợp khác nếu vì lý do nào đó mà hệ thống xử lý bụi không hoạt động được, thời gian khắc phục sự cố vượt qua 3 giờ thì nhà máy ngừng hoạt động, sau khi sự cố được khắc phục xong thì nhà máy sẽ trở lại hoạt động bình thường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm 06 tháng kể từ ngày được cấp phép.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt phụ phẩm nông nghiệp.

- Thông số quan trắc: Bụi tổng, NO_x (tính theo NO₂), CO và SO₂. Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, các hệ số Kv = 1,0, Kp = 0,9).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.4. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2, Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-TSTN&MT ngày tháng năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Hoạt động của các thiết bị sản xuất trong nhà xưởng 1.
- Nguồn số 2: Hoạt động của các thiết bị sản xuất trong nhà xưởng 2.
- Nguồn số 3: Hoạt động của các phương tiện vận tải trong bãi tập kết thiết bị, xe, máy móc.
- Nguồn số 4: Hoạt động của các thiết bị sản xuất trong khu vực sản xuất cát nhân tạo, kho chứa cát và lò hơi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiều 3⁰)

- Nguồn số 1: Giữa nhà xưởng 2, tọa độ X(m): 2274343; Y(m): 589295.
- Nguồn số 2: Giữa nhà xưởng 2, tọa độ X(m): 2274542; Y(m): 589329.
- Nguồn số 3: Giữa bãi để xe, máy móc, tọa độ X(m): 2274183; Y(m): 589293.
- Nguồn số 4: Giữa xưởng sản xuất cát nhân tạo, lò hơi, tọa độ X(m): 2274442; Y(m): 589373.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng, chủng loại các loại CTNH phát sinh thường xuyên khoảng:

TT	Thành phần	Trạng thái tồn tại	Khối lượng Kg/năm	Mã CTNH	Ghi chú
1.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	20	160106	
2.	Hộp mực in thải, trống mực in thải	Rắn	15	080204	
3.	Que hàn thải	Rắn	55	070401	
4.	Xi hàn thải	Rắn	40	070402	
5.	Dầu thủy lực thải	Lỏng	20	170107	Tái sử dụng cho việc bôi trơn bu lông
6.	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	180	170203	
7.	Vỏ thùng sắt dính dầu mỡ, sơn thải	Rắn	220	180102	
8.	Găng tay, Giẻ lau dính dầu mỡ, sơn thải	Rắn	120	180201	
9.	Ắc quy chì thải	Rắn	30	190601	
	Tổng		700		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Số lượng
1	Vụn bê tông	kg/tháng	8.920
2	Đầu mẫu sắt, thép	kg/tháng	2.890
3	Thùng carton	kg/tháng	50
4	Tro xỉ lò hơi	kg/tháng	2.200
5	Cặn lắng bể đập bụi khói thải lò hơi	kg/tháng	450
	Tổng	kg/tháng	14.510

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 115 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí 09 thùng nhựa loại 60 lít lưu giữ chất thải nguy hại.
- Lưu giữ tại kho chứa riêng có diện tích 52 m². Thiết kế mặt sàn đảm bảo kín, có mái che nắng mưa, đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài. Trang bị đầy đủ thiết bị PCCC, có dán biển cảnh báo mức độ nguy hiểm của chất chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải sản xuất thông thường được phân loại, lưu giữ tại kho chứa có diện tích 31,2 m², kết cấu móng bê tông cốt thép, tường bao vây bằng tôn, vì kèo thép, mái bằng tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 13 thùng loại 30 lít/thùng tại các khu vực trong nhà máy.
- Chất thải sinh hoạt được thu gom và phân loại hàng ngày và được tập kết tại khu vực lưu trữ tạm thời có diện tích 25m². Kho có kết cấu móng bê tông cốt thép, tường bao xây gạch, mái che bằng tôn, nền bê tông.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, trượt lở, sụt lún công trình thủy lợi và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
4. Trồng cây xanh trong khu vực dự án đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.
5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn.
6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.